TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X- VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ
Ngày: 11-12-2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn B;**

Ông **Nguyễn Tuấn T.**

- Thư ký phiên tòa*:* Ông **Đặng Văn T1**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13-10-2025; về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24-11-2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Cẩm H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp C, xã T2, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh G, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp P, xã T3, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm H trình bày:

Năm 2006, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Thanh G , có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện T3, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/12/2006, trong quá trình sống chung chị với anh G có 02 con chung tên Trần Phước T4, sinh ngày 10/3/2007 (đã thành niên) và Trần Phước T5, sinh ngày 27/7/2013 đang sống chung với anh G .

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có;

Nguyên nhân xin ly hôn: Sau khi kết hôn chị với anh Nguyễn Thanh G sống chung với gia đình ở ấp P, xã H1, vợ chồng sống chung không hợp, do bất

đồng nhiều ý kiến không tìm được tiếng nói chung, sống chung với nhau không còn hạnh phúc, vợ chồng sống chung mạnh ai nấy làm, không ai quan tâm và nói đến ai, vì con vợ chồng cũng cho nhau nhiều cơ hội nhưng không được, cho nên chị với anh G không còn sống chung từ năm 2016 đến nay, chị xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh G.

Chị Phan Thị Cẩm H yêu cầu:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh G.

Về con chung: Trần Phước T4, sinh ngày 10/3/2007 đã thành niên, chị Phan Thị Cẩm H không yêu cầu giải quyết.

Chị Phan Thị Cẩm H đồng ý giao con chung tên Trần Phước T5, sinh ngày 27/7/2013 cho anh Nguyễn Thanh G nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết;

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Thanh G trình bày:

Năm 2006 anh xác lập quan hệ hôn nhân với chị Phan Thị Cẩm H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện T3, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/12/2006, trong quá trình sống chung anh với chị H có 02 con chung tên Trần Phước T4, sinh ngày 10/3/2007 (đã thành niên) và Trần Phước T5, sinh ngày 27/7/2013 đang sống chung với anh.

Tài sản chung và nợ chung: Không có;

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung: Vợ chồng sống chung luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh với chị H không còn sống chung từ năm 2016 đến nay, không đoàn tụ được, hiện tại anh và 02 con đang sống ở ấp P, xã T3, còn chị H sống riêng, do điều kiện đi làm nên anh xin vắng mặt.

Về con chung: Trần Phước T4, sinh ngày 10/3/2007 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết;

Anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Phước T5, sinh ngày 27/7/2013, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh con; CCCD (photo); Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Cẩm H với anh Nguyễn Thanh G thuận tình ly hôn.

Về con chung: Trần Phước T4, sinh ngày 10/3/2007 đã thành niên, chị Phan Thị Cẩm H với anh Nguyễn Thanh G không yêu cầu giải quyết;

Chị Phan Thị Cẩm H đồng ý giao con chung tên Trần Phước T5, sinh ngày 27/7/2013 cho anh Nguyễn Thanh G nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung, chị Phan Thị Cẩm H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Nguyễn Thanh G không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Cẩm H với anh Nguyễn Thanh G thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Thanh G có hộ khẩu tại ấp P, xã T3, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Chị Phan Thị Cẩm H với anh Nguyễn Thanh G có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị Cẩm H với anh Nguyễn Thanh G kết hôn vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T3, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T3, tỉnh Vĩnh Long) theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị H với anh G là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H với anh G đều xác định tình trạng hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc cho nên chị H với anh G không còn sống chung vợ chồng từ năm 2016 đến nay và hai người xác định vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được cùng thống nhất thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị H với anh G.

[3] *Về con chung:* Chị Phan Thị Cẩm H với anh Nguyễn Thanh G thống nhất khai, thời gian sống chung chị H với anh G có 02 người con chung tên Trần Phước T4, sinh ngày 10/3/2007 đã thành niên cho nên chị H với anh G thống nhất không yêu cầu giải quyết và Trần Phước T5, sinh ngày 27/7/2013 đang sống chung với anh Nguyễn Thanh G, chị H thống nhất giao con chung cho anh G nuôi dưỡng, qua ý kiến của cháu Trần Phước T5 có nguyện vọng sống chung với anh G và anh G cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Sự thỏa thuận về quyền nuôi con chung của chị H với anh G là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do anh G không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Phan Thị Cẩm H với anh Nguyễn Thanh G thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng các Điều 55, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Cẩm H.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Cẩm H với anh Nguyễn Thanh G.

2. Về con chung: Trần Phước T4, sinh ngày 10/3/2007 đã thành niên, chị Phan Thị Cẩm H với anh Nguyễn Thanh G thống nhất không yêu cầu giải quyết;

Chị Phan Thị Cẩm H đồng ý giao con chung tên Trần Phước T5, sinh ngày 27/7/2013 cho anh Nguyễn Thanh G nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung; Chị Phan Thị Cẩm H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Nguyễn Thanh G không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Cẩm H với anh Nguyễn Thanh G thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005221, ngày 13-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Phan Thị Cẩm H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Thanh G không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KVX- Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV X- Vĩnh Long;
- UBND xã Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm